

2. Khoản 1, Mục A, Điều 4 của Nghị định số 30/CP ngày 04/04/1994 về việc thành lập Đại học Huế.

3. Khoản 1, Mục A, Điều 4 của Nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên.

4. Khoản 1, Mục A, Điều 4 của Nghị định số 32/CP ngày 04/04/1994 về việc thành lập Đại học Đà Nẵng.

5. Khoản a, Mục 1, Điều 4 của Nghị định số 16/CP ngày 27/01/1995 về việc thành lập Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo triển khai Nghị định này, bảo đảm sự ổn định và chất lượng đào tạo của các Đại học nói trên.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan, Giám đốc các Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Đại học Thái Nguyên, Đại học Đà Nẵng chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 68/1998/ND-CP ngày 03/9/1998 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi).

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi) số 05/1998/PL-UBTVQH 10 ngày 16/04/1998;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ, CHỊU THUẾ TÀI NGUYÊN

Điều 1. Mọi tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế bao gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần; công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã; tổ hợp tác; doanh nghiệp tư nhân, hộ tư nhân sản xuất kinh doanh; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay Bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; các tổ chức và cá nhân khác tiến hành khai thác tài nguyên dưới mọi hình thức đều là đối tượng nộp thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 1 Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi). Trừ đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định này.

Điều 2. Các loại tài nguyên thiên nhiên trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều là đối tượng chịu thuế tài nguyên, bao gồm:

1. Khoáng sản kim loại;

2. Khoáng sản không kim loại, kể cả khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và đất khai thác để san lấp, xây đắp công trình, làm nguyên liệu và các mục đích khác; nước khoáng, nước nóng thiên nhiên thuộc đối tượng quy định tại Luật Khoáng sản;

3. Dầu mỏ: là dầu thô được quy định tại Khoản 2, Điều 3, Luật Dầu khí;

4. Khí đốt: là khí thiên nhiên quy định tại Khoản 3, Điều 3, Luật Dầu khí;

5. Sản phẩm của rừng tự nhiên: Các loại thực vật, động vật và các loại sản phẩm khác của rừng tự nhiên;

6. Thủy sản tự nhiên: Các loại động vật, thực vật tự nhiên ở biển, sông, ngòi, hồ,....;

7. Nước thiên nhiên gồm: Nước mặt, nước dưới lòng đất, trừ nước khoáng và nước nóng thiên nhiên đã quy định tại Điểm 2, Điều này;

8. Các loại tài nguyên thiên nhiên khác.

Điều 3. Bên Việt Nam tham gia liên doanh với nước ngoài theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam mà góp vốn pháp định bằng các nguồn tài nguyên thì doanh nghiệp liên doanh không phải nộp thuế tài nguyên đối với số tài nguyên mà Bên Việt Nam dùng để góp vốn pháp định.

Điều 4. Trường hợp doanh nghiệp khai thác tài nguyên được thành lập trên cơ sở liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng chia sản phẩm, thì thuế tài nguyên phải nộp của doanh nghiệp liên doanh hay của Bên nước ngoài phải được xác định trong hợp đồng liên doanh và tính vào phần sản phẩm chia cho Bên Việt Nam. Khi chia sản phẩm khai thác, Bên Việt Nam có trách nhiệm nộp thuế tài nguyên vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách.

Chương II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ BIỂU THUẾ TÀI NGUYÊN

Điều 5. Căn cứ tính thuế tài nguyên là sản lượng tài nguyên thương phẩm thực tế khai thác, giá tính thuế và thuế suất.

Điều 6. Sản lượng tài nguyên thương phẩm thực tế khai thác là số lượng, trọng lượng hay khối lượng của tài nguyên khai thác thực tế trong kỳ nộp thuế, không phụ thuộc vào mục đích khai thác tài nguyên.

Điều 7.

1. Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên tại nơi khai thác tài nguyên.

2. Trường hợp tài nguyên chưa có giá bán, như khai thác để tiếp tục gia công, chế biến; tài nguyên chứa nhiều hợp chất khác nhau thì giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào một trong những cơ sở sau:

- Giá bán của loại tài nguyên khai thác có giá trị tương đương.

- Giá bán của sản phẩm nguyên chất và hàm lượng chất này trong tài nguyên khai thác hoặc giá của sản phẩm nguyên chất và hàm lượng của từng chất trong tài nguyên khai thác.

- Giá bán ra của hàng hóa sản xuất từ tài nguyên khai thác trừ các chi phí sản xuất ra hàng hóa đó.

3. Đối với nước thiên nhiên dùng sản xuất thủy điện, giá tính thuế tài nguyên là giá bán điện thương phẩm; đối với gỗ là giá bán tại bãi 2.

4. Đối với dầu mỏ, khí đốt, giá tính thuế được quy định tại Điều 47 Nghị định số 84/CP ngày 17/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí.

Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn cách tính giá tính thuế tài nguyên quy định tại Điều này.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định cụ thể giá tính thuế của từng loại tài nguyên theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 8. Biểu thuế tài nguyên được ban hành kèm theo Nghị định này.

Căn cứ vào giá trị của từng loại tài nguyên, điều kiện khai thác và yêu cầu quản lý đối với từng loại tài nguyên trong từng thời kỳ, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, các ngành liên quan điều chỉnh các mức thuế suất trong Biểu

thuế tài nguyên ban hành kèm theo Nghị định này phù hợp với khung thuế suất được quy định tại Điều 6 Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi).

Chương III

KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ, NỘP THUẾ TÀI NGUYÊN

Điều 9. Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác tài nguyên phải thực hiện đầy đủ những quy định về kê khai, đăng ký và nộp thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi).

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thủ tục đăng ký, kê khai, thu nộp thuế tài nguyên.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác tài nguyên phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ sổ sách kế toán và chế độ chứng từ mua bán hàng, thu tiền theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 11. Cơ quan thuế các cấp phải thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các Điều 8, 9, 12 và 16 của Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi).

Chương IV

MIỄN, GIẢM THUẾ TÀI NGUYÊN

Điều 12. Thuế tài nguyên được miễn, giảm trong các trường hợp sau đây:

1. Các dự án thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư quy định tại Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và các văn bản của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, nếu có khai thác tài nguyên khoáng sản (trừ dầu khí) thì được giảm tối đa 50% thuế tài nguyên trong 3 năm đầu tiên kể từ khi bắt đầu khai thác; đối với những dự án đã triển khai thuộc đối tượng

trên thì xét giảm thuế thời gian còn lại kể từ ngày Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi) có hiệu lực thi hành.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên gặp thiên tai, dịch họa, tai nạn bất ngờ, gây tổn thất đến tài nguyên đã kê khai và nộp thuế được xét miễn thuế tài nguyên phải nộp cho số tài nguyên bị tổn thất. Trường hợp đã nộp thuế tài nguyên thì được hoàn trả lại số thuế đã nộp hoặc bù trừ vào số thuế tài nguyên phải nộp của kỳ sau nếu tổ chức, cá nhân nộp thuế chấp thuận.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản ở vùng biển xa bờ bằng phương tiện có công suất lớn được miễn thuế tài nguyên trong 5 năm đầu từ khi được cấp giấy phép khai thác và giảm 50% thuế tài nguyên trong 5 năm tiếp theo.

Bộ Thủy sản tiến hành việc cấp giấy phép riêng cho tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản ở vùng biển xa bờ.

Việc xét miễn, giảm thuế tiến hành theo từng năm. Trong quá trình hoạt động, nếu tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản ở vùng biển xa bờ có sự thay đổi về các điều kiện miễn, giảm thuế làm giảm mức ưu đãi thì phải kịp thời khai báo với cơ quan thuế gần nhất biết và xác nhận. Các trường hợp không khai báo để tiếp tục hưởng miễn, giảm thuế đều bị coi là trốn lậu thuế và bị xử lý theo quy định tại Điều 11 Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi).

Trường hợp sau thời gian miễn, giảm thuế trên đây, nếu tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản ở vùng biển xa bờ còn bị lỗ thì sẽ tiếp tục được xét giảm thuế tài nguyên tương ứng với số lỗ của từng năm trong thời gian không quá 5 năm liên tục tiếp theo.

Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thủy sản ở vùng biển xa bờ đã hoạt động trước ngày Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi) có hiệu lực thi hành, thì thời điểm tính miễn, giảm thuế

được tính từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành và được tính đủ thời gian miễn thuế, giảm thuế theo quy định trên.

4. Miễn thuế tài nguyên đối với sản phẩm rừng tự nhiên do cá nhân được phép khai thác như: gỗ, cành, củi, tre, nứa, mai, giang, tranh, vầu, lồ ô ... phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày; trường hợp cố tình khai thác, phá rừng bừa bãi thì bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các biện pháp quản lý thích hợp bảo đảm miễn thuế đúng đối tượng, khuyến khích việc trồng rừng và bảo vệ rừng, ngăn chặn các hành vi khai thác bừa bãi, phá hoại rừng tự nhiên.

5. Miễn thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên dùng vào sản xuất thủy điện không hòa vào mạng lưới điện quốc gia.

6. Tổ chức, cá nhân khai thác đất sử dụng vào các mục đích sau được miễn thuế tài nguyên:

- San lấp, xây dựng các công trình phục vụ an ninh, quốc phòng.

- San lấp, xây dựng các công trình đê điều, thủy lợi, phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

- San lấp, xây dựng các công trình mang ý nghĩa nhân đạo, từ thiện hoặc dành ưu đãi đối với người có công với cách mạng; đất tự khai thác và sử dụng tại chỗ trên diện tích đất được giao, được thuê.

- San lấp, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng ở miền núi (trong địa bàn cấp huyện là huyện miền núi) phục vụ cho việc phát triển đời sống kinh tế xã hội trong vùng.

- San lấp, xây dựng các công trình trọng điểm của quốc gia theo quyết định của Chính phủ cho từng trường hợp cụ thể.

Bộ Tài chính quy định thủ tục, trình tự và thẩm quyền xét miễn, giảm thuế quy định tại Điều này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 13. Tổ chức, cá nhân vi phạm về thuế tài nguyên thì bị xử lý theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi).

Điều 14. Cơ quan thuế, cán bộ thuế hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tổ chức, cá nhân khác có thành tích trong việc thực hiện Pháp lệnh Thuế tài nguyên, đối tượng nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế được khen thưởng theo quy định của Chính phủ.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây về thuế tài nguyên trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng đã trả tiền tài nguyên hoặc nộp thuế tài nguyên theo quy định tại Giấy phép đầu tư trước ngày Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi) có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đó cho đến hết thời hạn quy định trong Giấy phép được cấp.

Điều 16. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
KT. Thủ tướng
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

BIỂU THUẾ TÀI NGUYÊN
QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH PHÁP LỆNH THUẾ TÀI NGUYÊN (SỬA ĐỔI)

(ban hành kèm theo Nghị định số 68/1998/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/09/1998).

Số thứ tự	Nhóm, loại tài nguyên	Thuế suất (%)
I	Khoáng sản kim loại	
1	Khoáng sản kim loại đen (sắt, man gan, titan v.v...)	2
2	Khoáng sản kim loại màu:	
	- Vàng sa khoáng.	2
	- Vàng cốm.	3
	- Đất hiếm.	4
	- Bạch kim, thiếc, Won fram, bạc, antimoan.	5
	- Chì, kẽm, nhôm, bau xít, đồng, niken, coban, molipden, thủy ngân, ma nhê, vanadi, platin.	3
	- Các loại khoáng sản kim loại màu khác...	2
II	Khoáng sản không kim loại (trừ nước nóng, nước khoáng thiên nhiên được quy định tại nhóm 7)	
1	Khoáng sản không kim loại dùng làm vật liệu xây dựng thông thường:	
	- Đất khai thác san lấp, xây đắp công trình	1
	- Khoáng sản không kim loại làm vật liệu xây dựng thông thường khác (đá, cát, sỏi, đất làm gạch,...)	2
2	Khoáng sản không kim loại làm vật liệu xây dựng cao cấp (granít, đônô mit, sét chịu lửa, quác xít,...).	3
3	Khoáng sản không kim loại dùng trong sản xuất công nghiệp (pi rít, apatít, phosphorit, cao lanh, mi ca, thạch anh kỹ thuật, đá nung vôi và sản xuất ciment, cát làm thủy tinh...).	4
4	Than:	
	- Than an tra xít hàm lò	1
	- Than an tra xít lộ thiên	2
	- Than nâu, than mỡ	3
	- Than khác.	2
5	Đá quý:	
	a) Kim cương, ru bi, saphia, emô rôt, ale xan drit, opan quý màu đen	8
	b) A drit, rô dôlit, Py rốp, be rin, spi nen, tô paz, thạch anh tinh thể (màu tím xanh, vàng lục, da cam), crizôlit, pan quý (màu trắng, đỏ lửa), fenpat, bi ru sa, nê frit.	5
	c) Các loại đá quý khác.	3
6	Các loại khoáng sản không kim loại khác.	2
III	Dầu mỏ (1)	
IV	Khí đốt (2)	
V	Sản phẩm rừng tự nhiên	

09665376

1	Gỗ tròn các loại: - Nhóm I - Nhóm II - Nhóm III, IV - Nhóm V, VI, VII, VIII	40 35 25 15
2	Gỗ trụ nhỏ.	15
3	Gỗ làm nguyên liệu sản xuất giấy (bồ đề, thông mỡ...).	20
4	Gỗ cột buồm, gỗ cọc đáy.	20
5	Gỗ tấm, gỗ dúc.	25
6	Cành, ngọn, củi.	5
7	Tre, nứa, giang, mai, vầu, lồ ô, ...	10
8	Dược liệu: - Trâm hương, ba kích, kỳ nam. - Hồi, quế, sa nhân, thảo quả. - Các loại dược liệu khác.	25 10 5
9	Các loại sản phẩm rừng tự nhiên khác. - Chim, thú rừng (loại được phép khai thác) - Sản phẩm rừng tự nhiên khác.	20 5
VI	Thủy sản tự nhiên - Ngọc trai, bào ngư, hải sâm. - Tôm, cá, mực và các loại thủy sản khác.	10 2
VII	Nước thiên nhiên	
1	Nước khoáng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp.	4
2	Nước thiên nhiên dùng sản xuất thủy điện.	2
3	Nước thiên nhiên khai thác phục vụ các ngành sản xuất (ngoài quy định tại điểm 1 và điểm 2): a) Sử dụng làm nguyên liệu chính hoặc phụ tạo thành yếu tố vật chất trong sản xuất sản phẩm. b) Sử dụng chung phục vụ sản xuất (vệ sinh công nghiệp, làm mát, tạo hơi...) c) Nước thiên nhiên dùng sản xuất nước sạch, dùng phục vụ các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và nước thiên nhiên khai thác từ giếng đào, giếng khoan phục vụ sinh hoạt.	3 1 0
4	Nước thiên nhiên khai thác dùng vào các mục đích khác ngoài quy định tại điểm 1, 2 và 3.	0
VIII	Tài nguyên khác - Yến sào - Tài nguyên khác.	20 10

(1) (2): Thuế suất đối với dầu mỡ, khí đốt thực hiện theo Luật Dầu khí và Nghị định số 84/CP ngày 17/02/1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí.